

UBND HUYỆN LỤC NAM
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC NAM
Chương: 799

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày 24/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Nam)
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	57.700.000
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
3	Thu VP, BHYT, Dịch vụ, khác	
3.1	Thu dịch vụ KCB	
3.2	Thu dịch vụ khác	
3.3	Thu dịch vụ y tế dự phòng	
3.4	Thu hoạt động khác	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	57.700.000
1	Chi từ nguồn hoạt động khác được để lại	57.700.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	57.700.000
	Thu từ khối KCB	57.700.000
	Thu từ Trạm Y tế	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	

Số TT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025
1	2	3
	Phí ...	
3	Thu dịch vụ và khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	94.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	94.000.000
1	Chi quản lý hành chính	94.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	76.000.000
	Loại 130 khoản 131 (khối dự phòng)	34.000.000
	Loại 130 khoản 132 (khối Trạm Y tế xã, thị trấn)	42.000.000
	Loại 130 khoản 151 (Khối dân số huyện)	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.000.000
	Loại 130 khoản 132 (khối KCB)	18.000.000
-	Sửa chữa cơ sở vật chất	18.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025
1	2	3
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Chương trình mục tiêu Y tế- Dân số	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	CTMT	
4.2	VSMT nông thôn	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025
1	2	3
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh ĐBB và ĐB Sông Hồng	
4.2	Dự án An ninh Y tế	
4.3	Dự án EU	
4.4	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	